TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 44

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 62,1 …… 62,01

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. Phân số 1/5 viết thành phân số thập phân là:

A. 1/10 **B.** 2/10 **C.** 3/10 **D.** 2/100

Câu 3. Số thập phân gồm 36 đơn vị, 4 phần mười, 8 phần trăm và 2 phần nghìn viết là:

A. 360,482 **B.** 36,0482 **C.** 36,4082 **D.** 36,482

Câu 4. Mẹ mua 1,2 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 45 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

A. 540 000 đồng **B.** 76 500 đồng **C.** 54 000 đồng **D.** 45 000 đồng

Câu 5. 58 000 m² = …… ha

A. 0,58 **B.** 5,8 **C.** 580 **D.** 58

Câu 6. Hình thang có đáy lớn 25 cm, đáy bé 4 cm, chiều cao 5 cm. Diện tích hình thang là:

A. 34 cm² **B.** 72,5 cm² **C.** 250 cm² **D.** 145 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 35,42 …… 35,51

b) 7,4 …… 7,40

c) 5 tấn 5 kg …… 5,5 tấn

d) 2 ha …… 20 000 m²

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 5,67 × 4 = ……

b) 13,94 × 2,9 + 13,94 × 7,1 = ……

c) 11,7 + 38,4 + 2,3 + 2,6 = ……

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 221,05 + 57,7 = ……

b) 378,5 − 43,52 = ……

c) 37,1 × 7,5 = ……

d) 31,56 : 1,2 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 m 4 cm = …… m

b) 2 kg 76 g = …… kg

c) 7 ha = …… m^2

d) 2900 m^2 = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3{,}14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 11 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 11 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 60 dm: …… dm

Bài 6. Một tổ may cắt 3 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,3 m vải. Giá mỗi mét vải là 150 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 44

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	C	B	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 35,42 < 35,51

b) 7,4 = 7,40

c) 5 tấn 5 kg < 5,5 tấn

d) 2 ha = 20 000 m²

Bài 2.

a) (2,5 × 4) × 5,67 = 10 × 5,67 = 56,7

b) 13,94 × (2,9 + 7,1) = 13,94 × 10 = 139,4

c) (11,7 + 2,3) + (38,4 + 2,6) = 14 + 41 = 55

Bài 3.

a) 221,05 + 57,7 = 278,75

b) 378,5 − 43,52 = 334,98

c) 37,1 × 7,5 = 278,25

d) 31,56 : 1,2 = 26,3

Bài 4.

a) 6,04

b) 2,076

c) 70 000

d) 0,29

Bài 5.

a) 11 × 2 × 3,14 = 69,08

b) 11 × 11 × 3,14 = 379,94

c) 60 × 3,14 = 188,4

Bài 6.

Số vải: 3,3 × 3 = 9,9 (m)

Số tiền: 150 000 × 9,9 = 1 485 000 (đồng)